

Số: **40** /2015/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày **11** tháng **11** năm **2015**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả  
bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27/11/2014;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 06/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/0009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 120/TT-Tr-CAT-PV28 ngày 05/10/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 – 2020.

**Điều 2.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công an tỉnh, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Thông tin - Truyền thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LBVP;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, P.NC-NgV(T-QĐ14-27/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

**ĐỀ ÁN**

**Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự  
của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015  
của UBND tỉnh Bình Phước)*

**Phần I  
MỞ ĐẦU**

Bình Phước là khu vực biên giới, miền núi, giáp khu vực Tây Nguyên, thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; có 08 huyện, 03 thị xã với 92 xã/111 xã, phường, thị trấn, 748 thôn, ấp, sóc/864 khu phố, thôn, ấp, sóc; có 67 xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự (ANTT) theo Quyết định số 2456/QĐ-BCA(V28) ngày 07/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an; diện tích tự nhiên 687.154 ha; có đường biên giới dài 260,4 km, 15 xã biên giới thuộc 3 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập tiếp giáp với 3 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, 01 cửa khẩu quốc tế, 02 cửa khẩu quốc gia và nhiều đường tiêu ngạch qua lại; dân số toàn tỉnh 241.526 hộ, 1.007.699 nhân khẩu, trong đó có 16.821 hộ, 69.405 nhân khẩu tạm trú từ các tỉnh đến làm ăn sinh sống; mật độ dân số 147 người/ km<sup>2</sup>. Trong nội địa giáp với các tỉnh Đắc Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh; có 41 dân tộc anh em làm ăn sinh sống, dân tộc thiểu số chiếm 19%, tôn giáo chiếm 19% dân số. Toàn tỉnh có 3.900 doanh nghiệp, 09 khu công nghiệp với 90 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có 55 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), 03 nhà máy thủy điện, 07 công ty cao su (do Trung ương và tỉnh quản lý), 46 cơ quan cấp tỉnh, 06 trung tâm cai nghiện, 829 cơ sở thờ tự, 319 chức sắc tôn giáo; thu nhập bình quân năm 2013 là 41 triệu đồng/người; dân số ở địa bàn nông thôn chiếm hơn 80% toàn tỉnh.

Trong những năm qua, lực lượng Công an xã của tỉnh không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về nhiều mặt, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị (ANCT), trật tự an toàn xã hội (TTATXH) trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong tình hình mới, công tác của lực lượng Công an nói chung và Công an xã nói riêng đang đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn do tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường và tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, ngày càng diễn biến phức tạp; những diễn biến căng thẳng về tình hình Biển Đông trong thời gian gần đây làm phát sinh một số vấn đề phức tạp liên quan đến ANTT, đặc biệt là ở các khu công nghiệp có vốn đầu tư của Trung Quốc, công

nhân biểu tình, tuần hành phản ứng trước việc Trung Quốc hạ đặt dàn khoan trái phép tại thềm lục địa của Việt Nam đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh xã hội; các vụ việc mâu thuẫn phát sinh và khiếu kiện đất đai ở nông thôn chưa được giải quyết kịp thời.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, UBND tỉnh xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ ANTT của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020, nhằm từng bước xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã vững mạnh về mọi mặt, hướng tới chuyên nghiệp, ổn định lâu dài, nâng cao năng lực, sức chiến đấu, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác giữ gìn ANCT, TTATXH ở địa bàn xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân và nông thôn cũng như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

## Phần II

### CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO ANTT TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ TRONG THỜI GIAN QUA

#### I. Cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án

1. Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
2. Luật An ninh quốc gia ngày 03/12/2004;
3. Luật Công an nhân dân ngày 27/11/2014;
4. Luật Cư trú ngày 29/11/2006;
5. Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008;
6. Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
7. Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
8. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
9. Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

10. Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

11. Chỉ thị số 03/CT-BCA-X11 ngày 10/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an về xây dựng toàn diện Công an cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới;

12. Quyết định số 55/2008/QĐ-UBND ngày 28/8/2008 của UBND tỉnh ban hành quy định về chế độ phụ cấp đặc thù hàng tháng cho lực lượng Công an xã;

13. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

14. Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ ANTT của lực lượng Công an xã giai đoạn 2012 – 2020; Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ ANTT của lực lượng Công an xã giai đoạn 2014 – 2020;

15. Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 của UBND tỉnh quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

16. Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh quy định một số chế độ đối với lực lượng Công an xã khi làm nhiệm vụ thường trực trên địa bàn tỉnh.

17. Công văn số 408/V28(P3) ngày 29/8/2011 của Cục V28 - Bộ Công an về việc hướng dẫn xây dựng Đề án Công an xã;

18. Kế hoạch số 99/KH ngày 03/8/2011 của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới Bình Phước triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Kế hoạch số 83/KH ngày 18/4/2013 của Ban Chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới Bình Phước về điều chỉnh tiến độ thực hiện các tiêu chí theo Kế hoạch số 99/KH;

19. Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh về xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ ANTT của lực lượng Công an xã giai đoạn 2012 – 2020;

## **II. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về ANTT ở địa bàn các xã**

### **1. Công tác phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về ANTT**

Thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; các nghị quyết, chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, lực lượng Công an các cấp đã tích cực, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn ANTT, không để xảy ra “điểm nóng” về ANTT và các tình huống bị động, bất ngờ.

Tuy nhiên, công tác tham mưu, hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện còn tồn tại hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên lĩnh vực an ninh chính trị: Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” nhằm chống phá cách mạng nước ta; các tổ chức phản động người Việt lưu vong, tổ chức Fulro và các đảng phái phản động khác luôn tìm cách móc nối, tài trợ, kích động, lôi kéo những phần tử bất mãn, cơ hội, cán bộ thoái hóa, biến chất nhằm gây bất ổn về chính trị; các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật còn xảy ra phức tạp.

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp với tính chất, mức độ ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn. Năm 2013, xảy ra 910 vụ phạm pháp hình sự làm chết 33 người, 198 người bị thương, thiệt hại tài sản hơn 10 tỷ đồng, tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2012 (901/876 vụ). Tổng số vụ phạm pháp hình sự trong 11 tháng của năm 2014 là 906 vụ (giảm 0,43% so với cùng kỳ năm 2013), thiệt hại: làm chết 30 người, bị thương 124 người và tài sản trị giá khoảng 25 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông: Năm 2013 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 428 vụ tai nạn, làm chết 189 người, bị thương 468 người; lực lượng chức năng đã lập biên bản 93.773 trường hợp vi phạm, phạt tiền hơn 50 tỷ đồng. Trong đó, địa bàn các xã xảy ra 192 vụ (giảm 30,2% so với năm 2012), làm chết 91 người, bị thương 215 người. Năm 2014, trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 332 vụ tai nạn, làm chết 163 người, bị thương 371 người; lực lượng chức năng đã khởi tố 57 vụ - 57 bị can, lập biên bản, xử phạt hành chính 85.529 trường hợp vi phạm, phạt tiền hơn 58 tỷ đồng; tại địa bàn các xã xảy ra 167 vụ, làm chết 94 người, bị thương 236 người.

## **2. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT**

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT ở các cấp đã được củng cố, kiện toàn. Phong trào ngày càng phát triển sâu rộng, từng bước đổi mới về nội dung, hình thức tổ chức thực hiện, vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị được phát huy; công tác xây dựng, nhân rộng mô hình “tự quản, tự phòng, tự bảo vệ ANTT”, xây dựng, củng cố lực lượng nòng cốt, nhất là Tổ an ninh nhân

dân được chú trọng, qua đó tranh thủ được các nguồn lực trong nhân dân, từng bước đưa phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ phát triển theo phương châm “xã hội hóa” công tác đảm bảo ANTT.

Bên cạnh những mặt tích cực, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ thời gian qua vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa được phát huy đầy đủ; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa hiệu quả, chậm đổi mới về nội dung, hình thức; công tác phối kết hợp giữa các ban, ngành trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ chưa đồng bộ, chặt chẽ; lực lượng Công an xã chưa được xây dựng, củng cố ngang tầm với nhiệm vụ đảm bảo ANCT, TTATXH địa bàn cơ sở trong tình hình mới.

### **III. Thực trạng lực lượng Công an xã**

#### **1. Tổ chức**

##### **a) Biên chế**

Lực lượng Công an xã của tỉnh hiện nay được xây dựng theo mô hình: 01 Trưởng, 02 Phó, 03 Công an viên Thường trực làm việc tại xã và mỗi thôn, ấp có 02 Công an viên.

Tính đến tháng 12/2014, tổng số lực lượng Công an xã có 1.659 đồng chí, trong đó: Trưởng Công an xã có 86 đồng chí, Phó Công an xã có 163 đồng chí, Công an viên thường trực có 253 đồng chí, Công an viên thôn, ấp có 1157 đồng chí; lực lượng Công an chính quy được điều động đảm nhận chức danh Trưởng Công an xã ở địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT là 27 đồng chí (trong đó có 12 xã xây dựng nông thôn mới). Hiện nay, còn thiếu 06 Trưởng Công an xã, 21 Phó Trưởng Công an xã, 23 Công an viên Thường trực và 339 Công an viên thôn, ấp.

##### **b) Trình độ**

- Trưởng Công an xã:

+ Trình độ chuyên môn: 30 đồng chí có trình độ đại học (34,8%), 04 đồng chí có trình độ cao đẳng (4,6%), 43 đồng chí có trình độ trung cấp (50%), 04 đồng chí có trình độ sơ cấp (4,6%), 05 đồng chí chưa qua đào tạo (6%).

+ Lý luận chính trị: 03 đồng chí có trình độ cao cấp (3,4%), 50 đồng chí có trình độ trung cấp (58,1%), 13 đồng chí có trình độ sơ cấp (15,1%), 20 đồng chí chưa qua đào tạo (23,4%).

- Phó trưởng Công an xã:

+ Trình độ chuyên môn: 18 đồng chí có trình độ đại học (11,04%), 02 đồng chí có trình độ cao đẳng (1,22%), 86 đồng chí có trình độ trung cấp (52,76%), 57 đồng chí chưa qua đào tạo (34,98%).

+ Lý luận chính trị: 53 đồng chí có trình độ trung cấp (32,5%), 26 đồng chí có trình độ sơ cấp (16%), 84 đồng chí chưa qua đào tạo (51,5%).

- Công an viên:

+ Trình độ chuyên môn: 20 đồng chí có trình độ đại học (1,41 %), 24 đồng chí có trình độ cao đẳng (1,7%), 26 đồng chí có trình độ trung cấp (1,89%), 1340 đồng chí chưa qua đào tạo (95%).

+ Lý luận chính trị: 21 đồng chí có trình độ trung cấp (1,48%), 18 đồng chí có trình độ sơ cấp (1,27%), 1.371 đồng chí chưa qua đào tạo (97,25%);

c) Độ tuổi

Dưới 30 tuổi: 625 đồng chí (37,6%); từ 31 - 45 tuổi: 780 đồng chí (47,01%); trên 45 tuổi: 254 đồng chí (15,3%).

d) Thành phần

Nữ: 57 đồng chí (3,4%); DTTS: 370 đồng chí (22,3%); Đảng viên: 441 đồng chí (26,58%); Đoàn viên: 368 đồng chí (22,1%).

## 2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-BCA(X14) ngày 06/5/2005 của Bộ Công an về đào tạo Trưởng Công an xã, từ năm 2006 đến nay, Công an tỉnh đã phối hợp với trường Trung cấp An ninh nhân dân II - Bộ Công an (nay là trường Cao đẳng ANND II) mở một lớp đào tạo sơ cấp nghiệp vụ cho 75 đồng chí, 02 lớp đào tạo trung cấp nghiệp vụ cho 141 đồng chí; phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở 01 lớp trung cấp lý luận chính trị cho 63 đồng chí là Trưởng, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn cho các chức danh trên.

Thực hiện Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28/5/2009 của Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện Công an xã hàng năm, từ năm 2009 đến năm 2014, Công an tỉnh và Công an huyện, thị đã tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho 5.653 lượt đồng chí Công an xã, trong đó 367 lượt đồng chí cấp Trưởng, 511 lượt đồng chí cấp Phó, 492 đồng chí Công an viên thường trực và 4.283 lượt đồng chí Công an viên thôn, ấp.

## 3. Về chế độ chính sách đối với lực lượng Công an xã

Hiện nay, lực lượng Công an xã được hưởng lương, phụ cấp hàng tháng, phụ cấp đặc thù, hỗ trợ ngày công lao động và tiền ăn khi làm nhiệm vụ thường trực 24/24 tại xã theo quy định của Chính phủ và UBND tỉnh, trong đó:

a) Trường Công an xã hưởng lương và các chế độ, chính sách khác theo chức danh công chức cấp xã (mức lương hàng tháng phụ thuộc vào bằng cấp, thâm niên). Cụ thể lương hàng tháng như sau:

- Đại học: Hệ số khởi điểm 2,34; 03 năm tăng 01 bậc với hệ số 0,33.

- Trung cấp: Hệ số khởi điểm 1,86; 02 năm tăng 01 bậc với hệ số 0,2.

- Chưa có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ: Hệ số 1,75 (nếu là thành viên Ủy ban nhân dân); sau nhiệm kỳ 5 năm nếu được bầu thì tăng lên hệ số 2,25.

Trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp đặc thù mỗi tháng bằng 30% mức lương hiện hưởng.



b) Phó Công an xã: Phụ cấp hàng tháng 1.370.000 đồng + phụ cấp đặc thù bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng = 1.644.000 đồng/tháng.

c) Công an viên Thường trực: Phụ cấp hàng tháng bằng 1.0 mức lương tối thiểu + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng + hỗ trợ ngày công lao động bằng 0.05 mức lương tối thiểu/ngày + hỗ trợ tiền ăn bằng 0,01 mức lương tối thiểu/ngày = 3.565.000 đồng/tháng.

d) Công an viên thôn, ấp: Phụ cấp hàng tháng bằng 0,6 mức lương tối thiểu + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng = 897.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, khi đồng chí Trưởng, Phó Công an xã và Công an viên ở thôn, ấp được cấp có thẩm quyền quyết định điều động làm nhiệm vụ thường trực thì được hưởng trợ cấp ngày công lao động và hỗ trợ tiền ăn như Công an viên Thường trực (63.000đồng/ngày). Phó Công an xã, Công an viên Thường trực ở một số xã được đóng bảo hiểm y tế, trong đó UBND xã hỗ trợ 3%, cá nhân đóng 1,5% mức lương tối thiểu/tháng.

#### **4. Về đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác**

##### **a) Nơi làm việc**

Trong tổng số 92 Ban Công an xã có:

- 03 Ban Công an xã có trụ sở làm việc riêng.
- 72 Ban Công an xã có nơi làm việc riêng.
- 17 Ban Công an xã bố trí phòng làm việc chung với Trụ sở UBND xã.

Trong đó:

- 44 Ban Công an xã cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác.
- 48 Ban Công an xã có nơi làm việc chật hẹp, xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Trong đó: 42 Ban Công an xã cần phải được sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc, 06 Ban Công an xã có nơi làm việc là nhà khung thép, mái tôn chật hẹp, xuống cấp nghiêm trọng, cần phải được đầu tư, xây dựng mới.

##### **b) Trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ**

- Phương tiện:

- + 83/92 Ban Công an xã được trang bị bộ máy vi tính.
- + 26/92 Ban Công an xã có ti vi.
- + 84/92 Ban Công an xã có điện thoại bàn.
- + 27/92 Ban Công an xã có máy fax.
- + 92 Ban Công an xã chưa được trang bị máy photocopy.
- Công cụ hỗ trợ:

Trong những năm qua, UBND các huyện, thị xã, UBND và Công an các xã đã tranh thủ nhiều nguồn kinh phí để mua sắm, trang bị công cụ hỗ trợ phục vụ công tác của lực lượng Công an xã, cụ thể:

- 77 Ban Công an xã tự trang bị được 162 khẩu súng bắn đạn cao su (thiếu 30 khẩu để trang bị cho 15 xã còn lại).

- 46 Ban Công an xã tự trang bị được 86 rui cui điện (thiếu 92 chiếc rui cui điện để trang bị cho 46 xã còn lại).

## **5. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động của Công an xã hiện nay bao gồm: Kinh phí hoạt động theo lương, phụ cấp và ngân sách UBND các xã hỗ trợ thêm, quỹ An ninh - Quốc phòng... Tùy vào điều kiện của mỗi địa phương nên mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Công an xã cũng khác nhau.

Khảo sát tại 14 xã thuộc 04 huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú cho kết quả như sau: Công an xã có mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cao nhất là 66.000.000 đồng/năm; Công an xã có mức hỗ trợ kinh phí thấp nhất là 6.000.000 đồng/năm; trung bình là 25.000.000 đồng/năm. Với mức kinh phí hoạt động trung bình như trên không đủ để đáp ứng yêu cầu công tác của lực lượng Công an xã hiện nay.

## **6. Nhận xét, đánh giá**

### **a) Ưu điểm**

Trong những năm qua, lực lượng Công an nói chung, lực lượng Công an xã nói riêng luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo công tác xây dựng lực lượng Công an xã, tạo chuyển biến tích cực về chính trị, pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm với công việc, thái độ phục vụ nhân dân, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ... Đó là những điều kiện cơ bản để lực lượng Công an xã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

### **b) Tồn tại**

- Một số địa phương, cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã; chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO trong tình hình mới.

- Việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ công tác chưa đi vào chiều sâu như: Công tác quản lý, giáo dục đối tượng, giáo dục người vi phạm pháp luật tại cộng đồng; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy; quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; công tác giữ gìn trật tự an toàn giao thông; quản lý cư trú.

- Một bộ phận Công an xã chưa thực sự an tâm công tác; chưa nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, xa rời quần chúng nhân dân, vi phạm quy trình công tác, đạo đức, lối sống dẫn tới bị xử lý kỷ luật.

- Lực lượng Công an xã luôn biến động về nhân sự, việc tuyển chọn gặp khó khăn; việc quy hoạch, sử dụng Công an xã, nhất là số Công an xã đã qua đào tạo nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, chưa mang tính kế thừa, ổn định. Trong tổng số 141 Trường, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn được đào tạo trung cấp nghiệp vụ đã có 31 trường hợp chuyển ngành (02 Trường, 08 Phó, 21 công an viên). Tính riêng trong năm 2014, đã có 95 trường hợp xin thôi việc (04 Phó, 91 Công an viên), 03 trường hợp chuyển ngành (03 Trường Công an xã). Một số Trường, Phó Công an xã sau khi được đào tạo trở về địa phương lại được bố trí công tác khác dẫn đến đào tạo nhiều nhưng phục vụ công tác bị hao hụt.

- Chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã còn thấp, chưa phù hợp với đặc thù công tác; một số chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ khám, chữa bệnh, trợ cấp ốm đau, thương tật...đối với Công an xã chưa thực hiện được do chưa có hướng dẫn của Trung ương. Tính bình quân thu nhập của một Công an xã trong 01 năm là 22.870.000 đồng, thấp hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân theo đầu người của tỉnh là 41.000.000 đồng/năm.

- Biên chế lực lượng Công an xã hiện còn thiếu so với quy định và yêu cầu đảm bảo ANTT ở cơ sở, đặc biệt là lực lượng Công an viên thôn, ấp (thiếu 339 đồng chí).

- Cơ sở vật chất, trang bị phương tiện đi lại, công cụ hỗ trợ, kinh phí phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, làm ảnh hưởng đến sức chiến đấu của lực lượng này, trong khi đó, tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ có biểu hiện gia tăng. Từ khi tái thành lập tỉnh đến nay đã có 02 Công an xã hy sinh, 10 Công an xã bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ nhưng được giải quyết chế độ chính sách rất chậm và còn nhiều hạn chế.

Những hạn chế, tồn tại nêu trên là nguyên nhân trực tiếp làm ảnh hưởng đến năng lực, sức chiến đấu của lực lượng Công an xã, chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn xã.

### Phần III

## MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO ANTT CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

### I. Dự báo tình hình

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trên thế giới nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định; xung đột sắc tộc, tôn giáo,

tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp, căng thẳng; tình hình tranh chấp tại Biên Đông tiếp tục được dư luận quan tâm và có tác động tiêu cực tới tình hình ANTT. Tình hình trong nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng, kinh tế - xã hội có sự phục hồi nhưng còn gặp nhiều khó khăn; các thế lực thù địch, phản động sẽ tăng cường thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” với nhiều phương thức, thủ đoạn nhằm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ đảng viên ở cơ sở và những bức xúc trong xã hội diễn biến phức tạp; các vấn đề dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện liên quan đến đất đai chưa giải quyết dứt điểm là những yếu tố sẽ gây ảnh hưởng đến ANTT. Tình hình tội phạm, đặc biệt là tội trộm cắp, tội phạm trong thanh thiếu niên tiếp tục diễn biến theo chiều hướng trẻ hóa và phức tạp; thiên tai, dịch bệnh và các tệ nạn xã hội vẫn sẽ là mối quan tâm lớn của toàn xã hội.

## **II. Mục tiêu, yêu cầu**

### **1. Mục tiêu**

#### **a) Mục tiêu chung**

- Kiến toàn tổ chức một cách khoa học, hợp lý về số lượng và chất lượng, đảm bảo xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở trong tình hình mới.

- Đảm bảo chính sách, điều kiện, phương tiện, trang thiết bị làm việc của lực lượng Công an xã.

#### **b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

- 78 % xã đạt chuẩn tiêu chí về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (tiêu chí 19 về xây dựng nông thôn mới);

- 100 % Trưởng, phó Công an xã và Công an viên dự nguồn chức danh trên đạt chuẩn trình độ từ trung cấp nghiệp vụ và trung cấp chính trị hành chính trở lên;

- 85 % số xã kiểm chế hoặc giảm tội phạm, tệ nạn xã hội theo các năm.

- 100 % xã có mô hình tự quản về ANTT.

### **2. Yêu cầu**

a) Kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã với đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về ANTT; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các tổ chức nòng cốt; tranh thủ vận động người có uy tín trong cộng đồng và các tầng lớp nhân dân trong việc đảm bảo ANTT, góp phần thực hiện thắng lợi Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới.

b) Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, tranh đó lực lượng Công an xã làm nòng cốt trong công tác đảm bảo ANTT ở

địa bàn các xã; từng bước xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, từng bước hiện đại, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo ANTT trong tình hình mới, góp phần phát triển kinh tế văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

### **III. Một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn các xã**

#### **1. Giải pháp về xây dựng lực lượng và đảm bảo điều kiện vật chất cho Công an xã đến năm 2020**

##### **a) Về tuyển dụng**

Hàng năm, có kế hoạch quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã đảm bảo ổn định lâu dài, đáp ứng yêu cầu đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã. Trong đó, ưu tiên tuyển chọn chiến sĩ đã phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và chiến sỹ thực hiện nghĩa vụ quân sự đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương tham gia lực lượng Công an xã; những người có năng khiếu, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với lực lượng Công an xã, góp phần hạn chế tình trạng xin chuyển ngành, thôi việc trong lực lượng Công an xã hiện nay.

Việc tuyển chọn người vào Công an xã phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của Chính phủ và Bộ Công an, Bộ Nội vụ và quy định của tỉnh; đảm bảo cơ cấu hợp lý về trình độ, độ tuổi, dân tộc, tỉ lệ nữ; tùy vào điều kiện của từng địa phương có thể điều chỉnh tiêu chuẩn khi tuyển dụng Công an xã, nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn theo quy định.

##### **b) Về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ**

- Đào tạo nghiệp vụ, chính trị: Mục tiêu trong giai đoạn 2015 - 2020 mở 01 lớp Trung cấp nghiệp vụ và 01 lớp Trung cấp chính trị - hành chính cho Trưởng, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn cho các chức danh Trưởng, Phó trưởng Công an xã. Đảm bảo đến năm 2020, cơ bản Trưởng, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn có trình độ Trung cấp nghiệp vụ và Trung cấp chính trị - hành chính.

Dự toán kinh phí để tổ chức đào tạo nghiệp vụ, chính trị cho lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020 là **2.445.100.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng).

- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an xã: Thực hiện theo Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28/5/2009 của Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện Công an xã. Kinh phí chi cho công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an xã hàng năm do Bộ Công an cấp.

##### **c) Về bố trí, sử dụng**

Tại Ban Công an xã có 06 đ/c: 01 Trưởng Công an xã; 02 Phó Công an xã và 3 Công an viên Thường trực; tại mỗi thôn, ấp được bố trí không quá 02 Công an viên. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình, yêu cầu bảo đảm ANTT tại địa phương, Chủ tịch UBND xã huy động Trưởng, Phó Công an xã và Công an viên thôn, ấp làm nhiệm vụ thường trực.

d) Về chế độ chính sách

- Chế độ lương, phụ cấp: Thực hiện chế độ lương, phụ cấp đối với lực lượng Công an xã trên cơ sở quy định của pháp luật, theo lộ trình hợp lý, thống nhất, đồng bộ, phù hợp với đặc thù công tác của Công an xã và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh, phấn đấu đảm bảo chế độ lương, phụ cấp đối với Công an xã bằng hoặc cao hơn mức thu nhập bình quân theo đầu người của tỉnh.

- Chế độ chính sách khác: Tham mưu HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện đối với Phó Công an xã và Công an viên phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

đ) Về kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Công an xã thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, do ngân sách các huyện, thị xã bố trí vào dự toán chi hàng năm của ngân sách xã.

UBND tỉnh quy định mức kinh phí hoạt động tối thiểu của Công an xã như sau:

- Xã trọng điểm, phức tạp về ANTT (67 xã) : 6.500.000 đồng/tháng/01 đơn vị Công an xã

- Các xã còn lại (25 xã): 4.500.000 đồng/tháng/01 đơn vị Công an xã.

Theo mức kinh phí trên, kinh phí hoạt động của Công an 92 xã trong 01 năm là: 6.576.000.000 đồng.

So với mức kinh phí hoạt động như hiện nay của Công an 92 xã trong 01 năm là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng), phần kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm hàng năm là: 4.276.000.000 đồng (bốn tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Do đó, phần kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm trong 5 năm thực hiện đề án là: 21.380.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng)

e) Về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác

- Trụ sở, nơi làm việc

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, các địa phương bố trí đất, kinh phí để xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở cơ sở theo Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân. Trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã bao gồm 07 phòng, cụ thể: 01 phòng làm việc của Trưởng Công an xã (diện tích 12m<sup>2</sup>); 01 phòng họp (diện tích 24m<sup>2</sup>); 01 phòng giải quyết thủ tục hành chính, tiếp dân (diện tích 24m<sup>2</sup>); 01 phòng tạm giữ tang vật, phương tiện (diện tích

12m<sup>2</sup>); 02 phòng tạm giữ hành chính (01 phòng dành cho nam, 01 phòng dành cho nữ, mỗi phòng có diện tích 9m<sup>2</sup>); 01 phòng trực và nghỉ ngơi, sinh hoạt của Công an viên thường trực (diện tích 12m<sup>2</sup>).

Lộ trình và khái toán kinh phí thực hiện như sau:

- Xây dựng mới: Năm 2017, xây 06 nhà làm việc cho 06 Ban Công an của các huyện Đồng Phú, Bù Đốp, Chơn Thành, Lộc Ninh (Hiện nay là nhà tạm) đảm bảo có các phòng chức năng nêu trên. Khái toán kinh phí xây dựng mới nhà làm việc cho 06 Ban Công an xã là: 601.149.120 đồng/nhà x 06 nhà = **3.606.894.720 đồng** (ba tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu tám trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm hai mươi đồng).

- Nâng cấp, sửa chữa:

Năm 2018, sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc cho 24 Ban Công an xã thuộc các huyện Đồng Phú, Chơn Thành, Hớn Quản. Trong đó 15 nhà làm việc cần kinh phí nâng cấp, sửa chữa là 150.000.000 đồng/nhà x 15 nhà = 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng); 09 nhà cần kinh phí sửa chữa, nâng cấp là 200.000.000 đồng/nhà x 9 nhà = 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng). Tổng kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2018 là: **4.050.000.000 đồng** (bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Năm 2019: Sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc cho 18 Ban Công an xã thuộc các huyện: Bù Đăng, Bù Đốp. Trong đó 10 nhà làm việc cần kinh phí nâng cấp, sửa chữa là 150.000.000 đồng/nhà x 10 nhà = 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); 08 nhà cần kinh phí sửa chữa, nâng cấp là 200.000.000 đồng/nhà x 8 nhà = 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2019 là: 3.100.000.000 đồng (ba tỷ một trăm triệu đồng).

Tổng kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc cho Công an xã là: **10.756.894.720 đồng** (mười tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm hai mươi đồng).

f) Trang bị hồ sơ, sổ sách, bàn, ghế và các trang, thiết bị, phương tiện của Công an xã

Trang cấp cho Công an các xã không có các phương tiện, thiết bị để phục vụ yêu cầu công tác. Cụ thể: Năm 2016 trang bị 09 bộ máy vi tính, 09 máy in, 65 máy fax, 03 máy photô (các xã có trụ sở riêng, xa UBND xã). (Việc trang bị căn cứ theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an).

Dự toán kinh phí mua sắm, trang bị phương tiện liên lạc, máy vi tính, máy in cho lực lượng Công an xã là **405.000.000** (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

g) Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã

Việc trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an. Các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ bao gồm: Súng trường, súng tiểu liên (trang bị cho 67 xã trọng điểm, phức

tạp trên địa bàn tỉnh), súng bắn đạn cao su, hơi cay, dùi cui điện, bình xịt hơi cay, găng tay bắt dao, khóa số 8, áo giáp, gậy nhựa, dùi cui cao su.

h) Về trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã

Trang phục, phù hiệu và Giấy chứng nhận Công an xã được cấp, quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ Công an. Kinh phí mua sắm trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã bình quân mỗi năm khoảng 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Kinh phí này đang được chỉ quyết toán từ nguồn Ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh.

## 2. Các giải pháp khác

a) Tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về ANTT ở địa bàn các xã

- Tổ chức thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo ANTT; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và chấn chỉnh những thiếu sót hoặc kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT cho phù hợp với chủ trương và diễn biến của tình hình. Trọng tâm là tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả quy định của pháp luật về cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, chứng minh nhân dân, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, quản lý các loại đối tượng hình sự, ma túy, người mãn hạn tù về địa phương nhằm mục đích phòng ngừa vi phạm pháp luật, ngăn chặn tội phạm có thể xảy ra ở địa bàn xã.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi có liên quan đến hoạt động xâm phạm ANTT ở địa bàn xã. Phát hiện sớm, giải quyết nhanh, thu hẹp vụ việc không để lan rộng, phức tạp, đây là nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo công tác đảm bảo ANTT hiện nay và với phương châm giải quyết các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, lấy vận động, thuyết phục, giáo dục là chính nhưng giữ vững nguyên tắc phải kiên quyết xử lý nghiêm những đối tượng quá khích, manh động, tổ chức, cầm đầu, kích động ...

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phải quan tâm công tác xây dựng lực lượng Công an xã vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là việc trang bị phương tiện, thiết bị, đảm bảo kinh phí và các điều kiện khác cho hoạt động của Công an xã; chú trọng quy hoạch lực lượng Công an xã theo hướng ổn định, chuyên nghiệp, lâu dài.

- Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc phối hợp giữa Công an xã với các ngành, lực lượng ở địa phương về thực hiện công tác quản lý Nhà nước về ANTT; tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đảm bảo ANTT, đảm bảo các điều kiện cần thiết cho công tác quản lý Nhà nước về ANTT.

b) Củng cố hệ thống chính trị ở địa bàn các xã để phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác đảm bảo ANTT

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh quy chế hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở xã; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng cơ chế thực hiện phát huy quyền làm chủ, quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân;



xác định rõ vai trò, phạm vi trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhân dân, tổ chức xã hội trong công tác đảm bảo ANTT theo tinh thần Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới và các Chương trình, Kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác đảm bảo ANTT của từng cấp, từng tổ chức, từng khu dân cư và trách nhiệm của từng thành viên trong hệ thống chính trị về công tác này.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, nắm chắc và giải quyết kịp thời những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; phổ biến, nhân rộng những mô hình, điển hình và kinh nghiệm hay trong việc giải quyết những tình huống cụ thể ở cơ sở.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Tổ chức thực hiện phong, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT cấp xã; củng cố các lực lượng nòng cốt như Tổ An ninh nhân dân, Đội - Tổ dân phòng, Đội Thanh niên xung kích và các mô hình phòng chống tội phạm hoạt động có hiệu quả; vận động cơ quan, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí, hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức trong công tác giữ gìn ANTT.

### c) Nâng cao hiệu quả các biện pháp công tác ở địa bàn xã

Lực lượng Công an các cấp tiếp tục triển khai áp dụng đồng bộ các biện pháp công tác Công an đã được quy định để bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn các xã. Tập trung vào những nhiệm vụ sau:

- Làm tốt công tác nắm tình hình có liên quan đến ANCT, TTATXH ở địa bàn các xã để chủ động triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề liên quan đến ANTT này sinh, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khiếu kiện đông người, an ninh nông thôn, an ninh xã hội.

- Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTT phù hợp với từng địa bàn dân cư cụ thể; gắn chặt với các phong trào khác ở địa phương. Chú trọng xây dựng, củng cố phong trào ở địa bàn các xã trọng điểm, phức tạp về ANTT; tổng kết nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, phát huy sức mạnh của nhân dân trong công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã.

- Sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Công an, đặc biệt là công tác dân vận để chủ động phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại những hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã.

- Triển khai và tổ chức thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an; Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND tỉnh về xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “ An toàn về an ninh, trật tự” gắn với cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an xã với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, và các lực lượng khác

Tiếp tục nâng cao vai trò của các cơ quan, đoàn thể trong công tác phối hợp với lực lượng Công an xã thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANCT, TTATXH, trong đó tập trung vào những nội dung sau:

- Lực lượng Công an xã chủ trì tổ chức xây dựng và ký kết quy chế phối hợp với từng ngành ở địa phương, đồng thời tổ chức đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, nghị quyết, quy chế phối hợp liên tịch giữa lực lượng Công an xã với các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong công tác đảm bảo ANTT, nhằm đánh giá đúng những kết quả, tồn tại, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

- Sửa đổi, bổ sung và xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan, đoàn thể, lực lượng trong công tác phối hợp với Công an xã thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT.

- Cải tiến và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Công an - Quân sự xã và các lực lượng khác (Biên phòng, Kiểm lâm, Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp) trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ rừng theo Nghị định số 74/2010/NĐ-CP và Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 100/2010/TTLT-BQP-BCA ngày 22/7/2010 giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

## **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. Thời gian thực hiện Đề án**

Đề án sẽ được triển khai thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020. Hàng năm, tổ chức sơ kết đánh giá tiến độ thực hiện Đề án. Cuối năm 2018, tiến hành sơ kết giai đoạn 1; cuối năm 2020 tiến hành tổng kết Đề án. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, các ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện và phân đầu hoàn thành mục tiêu trước thời hạn.

#### **II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Đề án**

##### **1. Công an tỉnh**

a) Chủ trì và là đầu mối có trách nhiệm điều hành, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Thường xuyên phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu bổ sung Đề án để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả thực hiện.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Công an các huyện, thị xã, Công an xã tổ chức thực hiện công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn các xã.

c) Phối hợp với các ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về ANTT, củng cố hệ thống chính trị ở xã và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.

d) Chủ động phối hợp với các ngành liên quan tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các quy định về chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã phù hợp với quy định của Chính phủ; hàng năm rà soát, thống kê các xã trọng điểm phức tạp về ANTT để báo cáo UBND tỉnh đề nghị Bộ Công an quyết định công nhận xã trọng điểm phức tạp về ANTT; phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các địa phương tuyển dụng, bổ sung đủ biên chế cho lực lượng Công an xã theo quy định; chỉ đạo Công an cấp huyện điều động sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã theo quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BCA ngày 24/5/2010 của Bộ Công an;

đ) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp với các trường Cao đẳng Công an nhân dân, Trường Chính trị tỉnh đào tạo trung cấp nghiệp vụ, trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho Công an xã trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã toàn tỉnh đảm bảo về thời gian, nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng theo quy định của Bộ Công an.

e) Hàng năm phối hợp với Sở Tài chính có kế hoạch và dự trù kinh phí thực hiện Đề án để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt thực hiện.

f) Đề xuất Bộ Công an cấp kinh phí huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm cho lực lượng Công an xã; trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ; các khoản chi khác cho Công an xã theo quy định của pháp luật.

## **2. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trong công tác quy hoạch, tuyển dụng, tạo nguồn Công an xã đảm bảo đủ biên chế quy định; bố trí sử dụng Công an xã hợp lý, ổn định lâu dài.

b) Phối hợp cùng các ngành có liên quan tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các quy định về chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã phù hợp với quy định của Chính phủ và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh.

## **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các ngành có liên quan có kế hoạch đảm bảo kinh phí thực hiện hàng năm theo nội dung Đề án và hướng dẫn phân cấp quản lý ngân sách thực hiện Đề án.

#### **4. Sở Tư pháp**

a) Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và ý thức trách nhiệm của công dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn quốc phòng - an ninh ở địa bàn các xã. Chủ động tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật để tiếp tục nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

b) Phối hợp cùng các ngành có liên quan thẩm định, tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các quy định về chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an cấp xã phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh.

#### **5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành có liên quan tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời nghiên cứu đề xuất áp dụng các chế độ, chính sách khác đối với Công an xã và các lực lượng khác trong thực hiện công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh.

#### **6. Sở Thông tin - Truyền thông**

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở, phản ánh gương người tốt việc tốt trong công tác đảm bảo an ninh trật tự. Chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan báo chí trong tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ANTT trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên các Trang thông tin điện tử (Website), bản tin.

b) Xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền về ANTT nhằm từng bước nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân về công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở; tạo môi trường lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên hạnh phúc của nhân dân.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí xuất bản liên quan đến thông tin tuyên truyền đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở.

d) Nghiên cứu tổ chức các cuộc thi, hội thi tuyên truyền về công tác đảm bảo an ninh trật tự. Thẩm định, cấp phép xuất bản các tài liệu không kinh doanh, bản tin liên quan đến công tác an ninh trật tự.

#### **7. Sở Xây dựng**

Phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn trình tự thủ tục đầu tư xây dựng để việc tiến hành đầu tư xây dựng trụ sở, nơi làm việc của Công an xã đúng quy định và đảm bảo yêu cầu công tác.

#### **8. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Hướng dẫn các xã quy hoạch đất xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

## **9. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành có liên quan tham mưu HỖND, UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm y tế đối với Công an cấp xã và các lực lượng khác tham gia công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh theo các quy định pháp luật hiện hành.

## **10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Dân quân tự vệ tăng cường công tác phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo ANTT ở địa bàn xã theo Nghị định 74/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 100/2010/TTLT-BQP-BCA giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

b) Chỉ đạo, triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp bảo vệ ANTT giữa lực lượng Quân sự, Dân quân tự vệ với Công an xã, kết hợp giữa xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.

## **11. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Chỉ đạo, hướng dẫn các Đồn Biên phòng phối hợp với Công an xã triển khai thực hiện công tác bảo vệ vững chắc ANTT tuyến biên giới.

## **12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các ngành, các cấp trong công tác xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở địa bàn các xã; nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của lực lượng Công an xã.

b) Tiếp tục lồng ghép thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” với phong trào “Toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư”, phong trào “Xây dựng gia đình, khu dân cư không có tội phạm”... Chỉ đạo các tổ chức thành viên tiếp tục phối hợp với lực lượng Công an xã trong thực hiện công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã.

## **13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã**

a) Căn cứ vào nội dung của Đề án và tình hình thực tế ở địa phương để xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn các xã thuộc địa phương mình.

b) Lập quy hoạch, bố trí đất, chủ động ngân sách hoặc đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ ngân sách xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp trụ sở, nhà làm việc của Ban Công an xã.

c) Bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo các nội dung quy định, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu Đề án đề ra.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về ANTT; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý những hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia công tác đảm bảo ANTT.

đ) Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ và các ngành chuyên môn tổ chức tốt các biện pháp củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng Công an xã theo quy định.

e) Chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã hàng năm phối hợp với Công an cấp huyện có kế hoạch quy hoạch, tuyển chọn Công an xã theo quy định.

f) Chỉ đạo UBND các xã:

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn trong việc quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng Công an xã hợp lý, ổn định, lâu dài; quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để lực lượng Công an xã hoàn thành nhiệm vụ.

- Căn cứ vào tình hình thực tế để huy động Trưởng, Phó Công an xã và Công an viên thôn, ấp làm nhiệm vụ thường trực nhằm đảm bảo công tác tiếp công dân và giải quyết công việc, vụ việc hình sự tại địa phương.

- Lập kế hoạch mua sắm các loại hồ sơ, tủ đựng hồ sơ, bàn, ghế, sổ sách và các trang thiết bị cần thiết khác cho Công an cấp xã hoặc đề nghị UBND huyện, thị xã có kế hoạch mua sắm để trang bị cho Công an xã.

- Chỉ đạo lực lượng Công an xã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo ANTT; chỉ đạo các ngành, tổ chức, đoàn thể phối hợp với lực lượng Công an xã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.

- Bố trí kinh phí đủ để bảo đảm thực hiện Đề án theo quy định.

### **III. Kinh phí thực hiện Đề án**

Tổng kinh phí thực hiện Đề án trong 05 năm là **35.026.994.720** (ba mươi lăm tỷ không trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Trong đó:

1. Kinh phí để tổ chức đào tạo nghiệp vụ, chính trị cho lực lượng Công an xã là **2.445.100.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên của tỉnh.

2. Kinh phí sơ kết, tổng kết Đề án là: **40.000.000 đồng** (bốn mươi triệu đồng), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh.

3. Kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020 là: **21.380.000.000 đồng** (Hai mươi một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên của tỉnh.

4. Kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc cho Công an xã là: **10.756.894.720 đồng** (mười tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm hai mươi đồng). Ủy ban nhân các huyện, thị xã chủ động

ngân sách hoặc đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ ngân sách xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp trụ sở, nhà làm việc của Ban Công an xã.

5. Kinh phí mua sắm, trang bị phương tiện liên lạc, máy vi tính, máy in cho lực lượng Công an xã là: **405.000.000 (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng)**, do UBND các huyện, thị xã cân đối.

## Phần V KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã trong tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2015 - 2020 là một chủ trương phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trong tình hình mới; Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) và nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2020.

Việc triển khai thực hiện Đề án nhằm từng bước đưa công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn nông thôn của tỉnh đi vào nề nếp, góp phần quan trọng ngăn chặn, đẩy lùi những nguy cơ gây mất ổn định về ANTT, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân.

Với những ý nghĩa đó, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành nêu cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Đề án, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Kết quả triển khai thực hiện Đề án, yêu cầu các ngành, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Công an tỉnh) để tổng hợp, tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo và báo cáo Bộ Công an theo quy định.

*(Kèm theo 06 Phụ lục).*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*Đ. Nam*

*Nguyễn Văn Trâm*

## PHỤ LỤC 1

### Kinh phí sơ - tổng kết thực hiện Đề án

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Nguồn ngân sách
1	Sơ kết Đề án	20.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Tổng kết thực hiện Đề án	20.000.000	Ngân sách tỉnh
	<b>TỔNG</b>	<b>40.000.000</b>	Ngân sách tỉnh



## PHỤ LỤC 2

### Kinh phí đào tạo Công an xã giai đoạn 2015 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày M/M/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung thực hiện	Kinh phí	Nguồn ngân sách	Ghi chú
Trung cấp chính trị - hành chính (Khóa 2016 - 2018)	644.000.000	Ngân sách tỉnh	Mỗi lớp dự kiến khoảng 92 học viên
Trung cấp nghiệp vụ (Khóa 2018 - 2020)	1.801.100.000		
<b>TỔNG</b>	<b>2.445.100.000</b>		

**PHỤ LỤC 3****Kinh phí hoạt động của Công an xã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày M/M./2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Loại xã	Mức hỗ trợ trung bình hiện nay/năm/xã	Mức hỗ trợ theo đề án/năm/xã	Mức chênh lệch trong 01 năm/xã	Số xã	Số năm	Mức chênh lệch trong 5 năm	Nguồn ngân sách
Trọng điểm, phức tạp về ANTT	25.000.000	78.000.000	53.000.000	67	5	17.755.000.000	Ngân sách tỉnh
Loại II	25.000.000	54.000.000	29.000.000	25	5	3.625.000.000	
<b>TỔNG</b>						<b>21.380.000.000</b>	

**PHỤ LỤC 4**

**Kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc của Công an xã**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số lượng (nhà)	Số tiền đầu tư	Thành tiền	Nguồn ngân sách
01	Xây mới	06	601.149.120	3.606.894.720	các huyện, thị xã chủ động cân đối, tỉnh hỗ trợ
02	Nâng cấp, sửa chữa	17	200.000.000	3.400.000.000	
		25	150.000.000	3.750.000.000	
		<b>Tổng</b>		<b>10.756.894.720</b>	

## PHỤ LỤC 5

**Kinh phí mua sắm phương tiện phục vụ công tác của Công an xã**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày 11.11.2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên phương tiện	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Nguồn ngân sách
1	Máy vi tính	7.000.000	09 bộ	63.000.000	các huyện, thị xã cân đối
2	Máy in	3.000.000	09 cái	27.000.000	
3	Máy fax	3.000.000	65 cái	195.000.000	
4	Máy photô	40.000.000	03 cái	120.000.000	
<b>TỔNG</b>				<b>405.000.000</b>	

\* Ghi chú: Thanh toán theo đơn giá thực tế tại thời điểm mua.

**PHỤ LỤC 6**  
**Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Đề án**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2015/QĐ-UBND ngày 11/2015*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

S T T	Nội dung	Năm					TỔNG
		2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sơ tổng kết đề án			20.000.000		20.000.000	40.000.000
2	Đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã	644.000.000		1.801.100.000			2.445.100.000
3	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác	405.000.000					405.000.000
4	Tăng thêm kinh phí hoạt động	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	21.380.000.000
5	Kinh phí xây dựng, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc		3.606.894.720	4.050.000.000	3.100.000.000		10.756.894.720
6	<b>TỔNG</b>	5.325.000.000	7.882.894.720	10.147.100.000	7.376.000.000	4.296.000.000	35.026.994.720